

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Bảo;

Bà Võ Thị Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu G, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 61 LT, Tổ S(trước đây Tổ MH) phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 61 LT, Tổ S(trước đây Tổ MH) phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người làm chứng: Ông Lê Văn T; ông Nguyễn Th; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn Chị Lê Thị Thu G trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tây Sơn, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 05/3/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống chung cùng với gia đình anh Tr. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh Tr lười biếng, không chăm lo gia đình mà bỏ bê vợ con, sa đà vào tệ nạn xã hội, không đảm bảo được cuộc sống cho gia đình và còn đánh đập chị G. Tình trạng này lại đi lặp lại nhiều lần nên cuộc sống không hạnh phúc. Chị G đã nhờ hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn diễn ra ngày càng trầm trọng nên chị G về nhà cha mẹ để sinh sống từ năm 2019 đến nay. Chị G trình bày không còn tình

cảm vợ chồng với anh Tr nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Tr. Về con chung, chị G và anh Tr có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhon T, sinh ngày 26/01/2013 và cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 25/12/2016, chị G yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị G trình bày nếu chị phải nuôi cả 02 con thì chị yêu cầu anh Tr cấp dưỡng để chị nuôi 02 con. Về mức cấp dưỡng trong đơn khởi kiện chị yêu cầu 3.000.000đ/tháng nếu anh Tr chấp nhận cấp dưỡng cho các con thì chị đồng ý mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2020. Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày, anh và chị G tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn như chị G trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn và hay cãi vã những chuyện nhỏ hằng ngày. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đôi lúc nóng giận anh Tr có đánh chị G nên chị G không chấp nhận bỏ về nhà cha mẹ để ở từ năm 2019 cho đến nay và làm đơn xin ly hôn. Anh Tr không muốn ly hôn vì sợ các con sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống sau này. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, có 02 con chung như chị G trình bày. Anh Tr cho rằng không muốn chia các con nên yêu cầu được nuôi cả 02 con. Mặc dù hiện nay anh không có việc làm, không có thu nhập nhưng nếu được giao con anh sẽ cố gắng nuôi các con chứ không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Th trình bày, ông là cha đẻ của Nguyễn Văn Tr, giữa G và Tr có tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn. Sau kết hôn vợ chồng Tr, G sống chung với gia đình ông được một thời gian sau đó, Trưởng không lo làm ăn mà ham chơi nên ông cho ra ở riêng để cho Tr lo làm ăn. Nhưng sau thời gian thuê nhà sống riêng vợ chồng Tr, G thường xuyên mâu thuẫn nhau, nguyên nhân Tr không chăm lo được cuộc sống cho gia đình mà còn sa vào con đường tệ nạn xã hội. Ông đã khuyên can nhiều lần nhưng không được, hiện nay G và Tr không còn sống chung với nhau nữa. Việc ly hôn thì do G, Tr quyết định ông không ý kiến gì nhưng nếu Tòa án cho ly hôn thì ông yêu Tòa án giao các con cho G nuôi sẽ đảm bảo sức khỏe, tâm sinh lý cho các cháu sẽ tốt hơn. Vì hiện nay Tr không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có việc làm nên không thể chăm sóc các con được. Các cháu còn nhỏ ở với mẹ sẽ tốt hơn.

Ông Lê Văn T trình bày, ông là cha của G, giữa G và Tr có tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn. Sau kết hôn vợ chồng Tr, G sống chung với gia đình nhà chồng sau đó có mâu thuẫn nhau nên thuê nhà ở riêng. Ông nghe G nói vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do Tr ham chơi không lo làm để nuôi con và còn đánh đập G. Tình trạng này lặp đi lặp lại nhiều lần nên G bỏ về nhà ông sinh sống và làm đơn xin ly hôn. Việc ly hôn do G, Tr quyết định ông không ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu G. Về hôn nhân cho chị G ly hôn với anh Tr. Về con chung giao 02 con chung là cháu Nguyễn Nhon T, sinh ngày 26/01/2013 và cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 25/12/2016 cho chị Lê Thị Thu G nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Tr phải cấp dưỡng 2.000.000đ để chị G nuôi 02 con chung. Về án phí chị G phải chịu số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Tr phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu G yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr, hiện cư trú tại phường Tây Sơn, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu G và anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị G và anh Tr là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị G và anh Tr có phát sinh mâu thuẫn không thể sống chung được, chị G đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Tr. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Tr cho rằng không muốn ly hôn vì sợ con thiếu thốn tình cảm cha, mẹ nhưng anh không có ý kiến gì về việc được tiếp tục chung sống với chị G để cùng nhau đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc mà bỏ mặc. Hơn nữa, giữa chị G và anh Tr đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian này anh Tr không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị G để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy các con mà giữa hai người tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị G, anh Tr là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Lê Thị Thu G được ly hôn với anh Tr.

[3] Về con chung: Chị G, anh Tr có 02 con chung tên là Nguyễn Nhon T, sinh ngày 26/01/2013 và Nguyễn Thiên P, sinh ngày 25/12/2016. Chị G và anh Tr đều yêu cầu được nuôi cả hai con, xét thấy, hiện nay anh Tr không có việc làm, không thu nhập, các con còn nhỏ nếu giao con cho anh Tr nuôi sẽ không đảm bảo được sức khỏe, tâm, sinh lý bình thường cho các con. Hơn nữa, các cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, cũng như qua xem xét thì cháu Nguyễn Nhon T có nguyện vọng được ở với mẹ để được sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị G, giao cả 02 con chung cho chị G nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G yêu cầu anh Tr cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng để chị G nuôi 2 con chung. Xét thấy, hiện nay anh Tr không

có việc làm, không có thu nhập ổn định, chủ yếu làm thuê nên cần chấp nhận một phần yêu cầu của chị G, buộc anh Tr phải cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ để chị G nuôi 02 con chung là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tháng 3/2020 cho đến khi cháu P và cháu T, thành niên và tự lực được.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị G, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị G phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Tr phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu G;

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu G được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị Thu G nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Nhơn T, sinh ngày 26/01/2013 và cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 25/12/2016 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn Tr, phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), để chị G nuôi 02 con chung là Nguyễn Nhơn T và cháu Nguyễn Thiên P, thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2020 cho đến khi cháu T và cháu P thành niên và tự lực được.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất theo các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật

Dân sự. Trường hợp không thỏa thuận được thì mức lãi xuất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

- Buộc chị Lê Thị Thu G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004161 ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

- Buộc anh Nguyễn Văn Tr, phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án ngày 19/3/2020 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường TS, TX. A (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn